

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-11-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1991. Cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Số 180, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Hoàng K, sinh năm 1989. Cư trú: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày: Chị và anh Trần Hoàng K tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng

K. Về quan hệ con chung: Chị T xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim U, sinh ngày 15/11/2015 (hiện do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị T đồng ý để anh K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Chị T trình bày không có.

Bị đơn anh Trần Hoàng K được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K vắng mặt. Tuy nhiên, anh có nộp văn bản nêu ý kiến: Anh thống nhất theo lời trình bày của vợ về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn chung sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của vợ anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Anh K xác định, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim U, sinh ngày 15/11/2015 (hiện do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Anh K xác định không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng K, anh K có nơi cư trú ấp Mỹ Trung, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Trần Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K là có căn cứ.

[3] Chị Trần Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng K. Chị T và anh K có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ đầu năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng K. Anh Trần Hoàng K trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của vợ về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, nay vợ yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để chị T, anh K hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị T, anh K không hàn gắn tình cảm vợ chồng được và chị T yêu cầu được ly hôn với anh K, anh

K nộp văn bản nêu ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T, anh K xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim Uyên, sinh ngày 15/11/2015 (hiện do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị T đồng ý để anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh K có văn bản nêu ý kiến yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh K xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị T, anh K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích T đối với anh Trần Hoàng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Thị Bích T và anh Trần Hoàng K thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Anh Trần Hoàng K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim U, sinh ngày 15/11/2015 (hiện do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng).

Anh Trần Hoàng K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Trần Thị Bích T và anh Trần Hoàng K xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị T và anh K phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Trần Thị Bích T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0000086 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND [xã Mỹ An](#);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

